

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 26-6-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Minh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hươn.

Ông Lưu Đức Chung.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lý Kim Yến – Là Thư ký  
Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai  
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 14, ấp B, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Thanh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 14, ấp B, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L và ông T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Văn Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1995 đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 03 tháng 12 năm 2003. Việc kết hôn do bà và ông T đều tự nguyện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Thanh T. Nguyên nhân bà L yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, ông T không chăm lo cho gia đình mà thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt và xúc phạm bà. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 31/10/1996 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/6/2004. Nếu ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Th đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

***Bị đơn ông T vắng mặt nên không có lời khai.***

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:***

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Tuấn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/6/2004 cho bà L nuôi dưỡng, bà L nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập nhưng ông Tuấn vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và Ông Nguyễn Văn Thanh T xây dựng gia đình với nhau năm 1995 đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 03 tháng 12 năm 2003 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông T biết để đến Tòa làm việc nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, do đó không có lời khai của ông T tại hồ sơ.

Bà L yêu cầu xin được ly hôn với ông Tuấn với lý do ông T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc nên vợ chồng chung sống

không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2020 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Do đó, xác định bà L và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, xử cho bà L được ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 31/10/1996 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/6/2004. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T. Xét cháu T đã trên 07 tuổi và qua tham khảo lời khai cháu T có nguyện vọng sống với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử giao cháu T cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Phạm Thị L đối với ông Nguyễn Văn Thanh T.

Xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Thanh T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/6/2004 cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003127 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà L và ông T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã L (GCNKH số 126/2003) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Minh Thảo**